

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 128/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 26-9-2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ - TỈNH ĐỒNG NAI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Tuấn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trịnh Ngọc Thành**.

2. Bà **Trần Thị Yến Nhi**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Võ Thị Ngọc Huyền** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Ông **Phạm Hữu Huỳnh** – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2023/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 91/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Ánh T** - sinh năm 1996.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh **Trần Văn H** – sinh năm 1990.

Nơi cư trú: Ấp Đ, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị T vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Nguyễn Ánh T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Trần Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo số 41, ngày 23/7/2013. Anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, thường xuyên cãi nhau và đã hòa giải nhiều

lần nhưng không thành. Anh H, chị T đã ly thân với nhau từ năm 2022 đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về nuôi con: Anh H, chị T có 03 con chung là Trần Hoàng Nhã T1 - sinh ngày 13/3/2014, Trần Thanh T2 - sinh ngày 24/3/2016 và Trần Hoàng Thiên Ân – sinh ngày 28/12/2018. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản: Anh H, chị T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn H: Sau khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh H vẫn không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án tại các buổi làm việc, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành ghi nhận ý kiến của anh H.

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thay đổi, bổ sung ý kiến, đề nghị của mình; bị đơn không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không giao nộp, bổ sung thêm tài liệu chứng cứ nào khác, không yêu cầu triệu tập đương sự, người làm chứng và những người tham gia tố tụng khác.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về quan hệ pháp luật, xác định tư cách pháp lý của đương sự, thẩm quyền thụ lý của Tòa án, thủ tục thu thập chứng cứ đúng quy định; quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ, thủ tục cấp tổng đạt cho các đương sự đảm bảo theo quy định pháp luật. Các quyền nghĩa vụ của đương sự được đảm bảo thực hiện. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; những người tham gia tố tụng chấp hành đúng pháp luật nên Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị T. Cho chị Nguyễn Ánh T được ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung: Giao 03 con chung là Trần Hoàng Nhã T1 - sinh ngày 13/3/2014, Trần Thanh T2 - sinh ngày 24/3/2016 và Trần Hoàng Thiên Ân – sinh ngày 28/12/2018 cho chị T nuôi dưỡng, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con, do chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Dành quyền khởi kiện cho các đương sự khi có phát sinh tranh chấp.

- Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Trần Văn H có nơi cư trú, sinh sống tại xã T, huyện T, tỉnh Đồng Nai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị T yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh Trần Văn H, tranh chấp nuôi con chung là Trần Hoàng Nhã T1 - sinh ngày 13/3/2014, Trần Thanh T2 - sinh ngày 24/3/2016 và Trần Hoàng Thiên A – sinh ngày 28/12/2018 nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về xác định tư cách đương sự: Chị Nguyễn Ánh T là nguyên đơn; anh Trần Văn H là bị đơn theo Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H nhưng anh H vắng mặt mà không có lý do chính đáng; chị T có đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về đường lối giải quyết vụ án:

[5.1] Về hôn nhân: Chị T, anh H tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 23/7/2013 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, Đồng Nai. Vì vậy, hôn nhân giữa chị T và anh H là hôn nhân hợp pháp được pháp luật ghi nhận và bảo vệ.

Chị T trình bày anh chị có xảy ra mâu thuẫn vì bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, anh chị đã không còn tình cảm và không quan tâm, chăm sóc nhau từ năm 2022 cho đến nay. Bản thân anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến chị T, không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Nay để ổn định cuộc sống riêng chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H. Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của Tòa án về tình trạng hôn nhân và các tài liệu, chứng cứ khác cũng thể hiện phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng chị T và anh H đã có mâu thuẫn, không còn khả năng đoàn tụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[6] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh H có 03 con chung là Trần Hoàng Nhã T1 - sinh ngày 13/3/2014, Trần Thanh T2 - sinh ngày 24/3/2016 và Trần Hoàng Thiên A – sinh ngày 28/12/2018. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, từ sau khi xảy ra mâu thuẫn, con chung do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, bản thân chị có trách nhiệm chăm sóc và có nghề nghiệp thu nhập ổn định đủ khả năng nuôi dưỡng

con chung, đồng thời cháu Trần Hoàng Nhã T1 và Trần Thanh T2 trên 07 tuổi có nguyện vọng mong muốn được ở với chị T. Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung cho chị T tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu.

Để đảm bảo quyền lợi, nguyện vọng của các con chung chưa thành niên và nguyện vọng của chị T về việc nuôi con, căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao 03 con chung là Trần Hoàng Nhã T1 - sinh ngày 13/3/2014, Trần Thanh T2 - sinh ngày 24/3/2016 và Trần Hoàng Thiên Ân – sinh ngày 28/12/2018 cho chị Nguyễn Ánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không có yêu cầu. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

[8] Về án phí: Chị Nguyễn Ánh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[9] Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đúng pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 68, 147, 207, 220, 227, 228, 235, 238, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 11, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 19, 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Ánh T. Chị Nguyễn Ánh T được quyền ly hôn với anh Trần Văn H.

- Về con chung: Giao 03 con chung là Trần Hoàng Nhã T1 - sinh ngày 13/3/2014, Trần Thanh T2 - sinh ngày 24/3/2016 và Trần Hoàng Thiên Ân – sinh ngày 28/12/2018 cho chị Nguyễn Ánh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, tạm thời anh H không cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Ánh T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn, được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số 0001025 ngày 25/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú. Chị T đã nộp đủ án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ánh T và anh Trần Văn H vắng mặt tại phiên tòa, nên được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA DS huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Thanh Sơn (Số 41, ngày 23/7/2013) để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Tuấn